

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên 6 tháng đầu năm 2025

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ; trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2025 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện

- Công tác cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Thái Nguyên năm 2025 tiếp tục được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm, triển khai đồng bộ theo nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ. Ngày 06/12/2024 Chủ tịch UBND đã ban hành Kế hoạch số 232/KH-UBND Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Thái Nguyên năm 2025, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể (30 nhiệm vụ trọng tâm) và chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch CCHC, tổ chức triển khai thực hiện bám sát các nội dung yêu cầu, đảm bảo tiến độ thời gian quy định. Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện 16/30 nhiệm vụ cụ thể giao tại Kế hoạch năm 2025 như: Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC; kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm tra công vụ năm 2025 và tổ chức triển khai thực hiện; Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2025; Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2025 và tổ chức thực hiện; kế hoạch đánh giá, xác định Chỉ số CCHC; đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và tổ chức thực hiện; Kế hoạch triển khai mô hình Chính quyền thân thiện, nhân dân phát huy quyền làm chủ tại 100% UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên...

- Thực hiện Kế hoạch của Bộ Nội vụ về triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành triển khai tự chấm điểm Chỉ số CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2024, tổ chức rà soát, cung cấp tài liệu kiểm chứng, giải trình, đánh giá các nội dung, tiêu chí, báo cáo Bộ Nội vụ về kết quả tự đánh giá, chấm điểm theo quy định. Kết quả, Chỉ số CCHC năm 2024 của tỉnh đạt 91,47% và xếp vị trí thứ 5/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2024 đạt 90,23%, là năm thứ ba liên tiếp xếp vị trí thứ 2/63 tỉnh, thành. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2024 đạt 46,35/80 điểm, thuộc Nhóm Cao nhất, xếp thứ 4 toàn quốc.

- Để đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện năm 2024, UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức triển khai công tác tự chấm điểm các nội dung, tiêu chí trên hệ thống phần mềm điện tử đối với 19 sở, ban, ngành, 09 UBND cấp huyện và khảo sát mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên tại 09 UBND cấp huyện và 18 sở, ban, ngành năm 2024, công bố kết quả đánh giá xếp hạng, đồng thời chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng báo cáo phân tích đánh giá kết quả, đánh giá những tồn tại, hạn chế, làm cơ sở triển khai những giải pháp nâng cao chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong năm 2025.

- Nhằm đánh giá, xếp loại phản ánh đúng chất lượng, mức độ, hiệu quả hoạt động đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao và các yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành quy chế, Bộ tiêu chí và triển khai đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tổ chức thuộc thẩm quyền; hằng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, kết quả, năm 2024 đã triển khai đánh giá đối với 42 cơ quan, đơn vị, địa phương⁽¹⁾, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp để phát huy các mặt tích cực, khắc phục các mặt yếu kém; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát huy vai trò của người đứng đầu và nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

⁽¹⁾ Trong đó có 20 sở, ban, ngành; 09 UBND huyện, thành phố; 07 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; 06 hội đặc thù cấp tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Ngày 06/3/2025, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND về tuyên truyền CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2025 nhằm tuyên truyền đầy đủ các nội dung, lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng kịp thời, đầy đủ yêu cầu nắm bắt, tìm hiểu thông tin về CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công.

- Các cơ quan thông tin và truyền thông của tỉnh đã chủ động xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyên truyền về CCHC với các tin, bài, phóng sự, chuyên mục, chuyên đề phát trên sóng truyền hình, sóng phát thanh và trang thông tin điện tử về CCHC, cụ thể: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã thực hiện các chuyên đề, chuyên mục liên quan đến công tác CCHC, thực hiện 110 tin tức, phản ánh, phóng sự; Báo Thái Nguyên đã tuyên truyền 23 tin, bài, ảnh và video về công tác CCHC. Trung tâm Thông tin tỉnh đã đăng tải lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh 34 tin, bài viết, video clip, đối thoại trực tuyến; dẫn nguồn tin tức, sự kiện và các văn bản của tỉnh, của các bộ, ngành Trung ương; Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Thái Nguyên đăng tải 82 tin, bài, văn bản chỉ đạo, điều hành, các hoạt động về CCHC của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Các tin, bài, phóng sự, chuyên đề đều tập trung thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách pháp luật, sắp xếp bộ máy chính quyền các cấp, duy trì và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh...

3. Kiểm tra công tác CCHC

- Nhằm đánh giá đúng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện CCHC và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính kịp thời thực hiện giải pháp khắc phục hạn chế, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2025⁽²⁾ nhằm chấn chỉnh

⁽²⁾Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 13/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2025; Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về việc thành lập đoàn kiểm tra về kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu và từng cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn tỉnh trong xử lý công việc phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Trong 6 tháng đầu năm, Đoàn kiểm tra của tỉnh đã tổ chức kiểm tra cải cách hành chính, công vụ đột xuất tại 40 đơn vị, địa phương (01 sở, ngành; 01 UBND cấp huyện; 01 đơn vị SNCL, 37 đơn vị cấp xã); tập trung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức trong thời điểm xây dựng Đề án và chuẩn bị sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Thái Nguyên. Qua công tác kiểm tra đầu năm 2025 cho thấy, các đơn vị được kiểm tra đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC, việc thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo quy định; đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, giờ làm việc theo quy định để kịp thời giải quyết các TTHC cho người dân; không bị ảnh hưởng tác động, tận tâm, tận tụy, công việc không bị gián đoạn, chậm trễ. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

4. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: Kết quả thống kê trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ, trong 6 tháng đầu năm 2025, UBND tỉnh Thái Nguyên được giao 14 nhiệm vụ, đến nay, đã thực hiện hoàn thành 14 nhiệm vụ đúng thời gian quy định, không có nhiệm vụ quá hạn.

5. Áp dụng mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính

Ngày 20/01/2025, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 138/QĐ-UBND về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, thuộc lĩnh vực CCHC trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024, trong đó, 15 sáng kiến, giải pháp, được công nhận phạm vi ảnh hưởng (cấp tỉnh) và hiện nay đã được áp dụng vào thực tiễn, đạt hiệu quả cao năm 2024 (lần đầu được áp dụng) và có khả năng mở rộng áp dụng trong phạm vi toàn quốc như: Xây dựng phần mềm, Quy chế và tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên; sáng kiến “Mô hình xã nông thôn mới thông minh”; giải pháp phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Mô hình cải cách hành chính 3K “Không viết, không hẹn, không phiền hà” tại UBND xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ công thiết yếu trực tuyến toàn trình cấp, đổi giấy phép lái xe ô tô do ngành Giao thông Vận tải cấp...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Công tác xây dựng văn bản QPPL của tỉnh tiếp tục được thực hiện nghiêm túc; kỷ cương, kỷ luật, trách nhiệm người đứng đầu trong công tác xây dựng văn bản QPPL được nâng lên, 100% văn bản QPPL của tỉnh được thẩm định nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi của văn bản khi được ban hành. Công tác phối hợp, nhất là giữa cơ quan được giao chủ trì xây dựng và cơ quan thẩm định ngày càng hiệu quả.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 07/02/2025 tổ chức phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật của UBND tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 21/02/2025 về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản QPPL năm 2025; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 03/3/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và Công điện số 20/CD-TTg ngày 26/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết 190/2025/QH15 trên địa bàn tỉnh (trong đó có nội dung rà soát văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước); Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 ban hành Danh mục văn bản quy định chi tiết luật được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8; văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 19/02/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia... Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành 34 văn bản QPPL (02 Nghị quyết, 32 Quyết định).

- Về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 21/01/2025 thực hiện công tác phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2025. Triển khai nhiệm vụ UBND tỉnh giao về việc tham mưu rà soát, xem xét các đề xuất của nhà đầu tư, cơ quan quản lý đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền khác liên quan đến các dự án triển khai tại địa phương; Sở đã tham mưu UBND tỉnh có ý kiến đối với 115 văn bản liên quan đến nội dung trên, qua đó giúp cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện đúng quy định của pháp luật về đầu tư trên địa bàn tỉnh.

1.2. Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2025 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần trong năm 2024 (*hết hiệu lực toàn bộ: 119 văn bản; hết hiệu lực một phần: 11 văn bản*).

- Trong 6 tháng đầu năm 2025, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện rà soát 144 văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành và đề xuất phương án xử lý 84 văn bản QPPL theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013. Rà soát 193 văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, đề xuất phương án xử lý 84 văn bản QPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy. Rà soát 27 nội dung tại 13 văn bản QPPL bao gồm 06 luật, 05 Nghị định, 02 Thông tư để đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh chuẩn bị sẵn sàng để tỉnh Thái Nguyên hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đảm bảo được vận hành ngay sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền (tổng số văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ: 307 văn bản, bao gồm: 107 nghị quyết và 200 quyết định).

1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 27/12/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 14/02/2025 theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 quy định thẩm quyền cách xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; ban hành văn bản số 1475/UBND-NC ngày 10/3/2025 báo cáo kết quả rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh trong quá trình sắp xếp, tổ chức bộ máy tỉnh Thái Nguyên. Thực hiện rà soát hồ sơ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên, Trung tâm Y tế huyện Phú Lương, Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình và một số hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khác.

1.4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 22/01/2025 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải ở cơ sở và cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025; ban hành báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 07/5/2025 về tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các cấp, các ngành về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025; tổ chức hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật và tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật năm 2025. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp hướng dẫn triển khai công tác hòa giải ở cơ sở và thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024-2030” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025. Thực hiện rà soát, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Phú Lương đạt chuẩn nông thôn mới, huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024; rà soát kết quả thẩm tra, đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí xét, công nhận huyện Phú Bình đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024. Tổ chức biên soạn tài liệu Tình huống - Giải đáp pháp luật, cuốn Thông tin pháp luật, thực hiện tuyên truyền trên trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, fanpage phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh...

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả kiểm soát TTHC; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- Trong 6 tháng đầu năm, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả công tác cải cách TTHC như: Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025; Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025; Kế hoạch truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025...

- Thực hiện quy định về rà soát, đánh giá TTHC, trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương, ngày 21/01/2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với 227 TTHC. Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa

TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 11/4/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, báo cáo kết quả tổng hợp, thống kê danh mục TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh do tỉnh Thái Nguyên ban hành; đồng thời quyết liệt chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện rà soát TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính báo cáo Văn phòng Chính phủ theo đúng quy định. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1297/QĐ-UBND, ngày 28/4/2025 về việc công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên với 118 TTHC nội bộ được ban hành mới và 61 TTHC nội bộ bị bãi bỏ, trên cơ sở đó, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát để công bố TTHC nội bộ và đề xuất phương án đơn giản hóa với các TTHC nội bộ được công bố để báo cáo, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo quy định.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 81 Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ngành (Khoa học và Công nghệ; Y tế; Công thương; Tư pháp; Tài chính; Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng...) với tổng số 2.328 TTHC (công bố mới: 1.177 TTHC; bãi bỏ: 1.151 TTHC). Các TTHC sau khi công bố đều được cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và được các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức niêm yết đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả TTHC của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC, công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của đơn vị. Đến thời điểm hiện nay, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh là 1.935 TTHC⁽³⁾; số TTHC liên thông cùng cấp là 73 thủ tục, số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền là 59 thủ tục.

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc niêm yết, công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện quản lý, vận hành, duy trì kết nối, đảm bảo thông suốt, liên tục Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công Quốc gia với Cổng thông tin điện tử và Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã tổ chức tiếp nhận và trả lời phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh,

⁽³⁾Số TTHC thực hiện tại cấp tỉnh là 1.486 TTHC, số TTHC thực hiện tại cấp huyện là 323 TTHC, số TTHC thực hiện tại cấp xã là 126 TTHC, trong đó: Số TTHC do Trung ương quy định là 2.022 TTHC; số TTHC do tỉnh ban hành là 10 TTHC. Số TTHC liên thông cùng cấp là 73 thủ tục, số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền là 59 thủ tục.

kiến nghị của cá nhân, tổ chức 69 phản ánh, kiến nghị (46 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; 23 phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính). Trong đó 66 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận trong kỳ; 03 phản ánh kiến nghị từ kỳ trước chuyển sang, 63 phản ánh, kiến nghị đã có kết quả trả lời và được đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định; 06 phản ánh, kiến nghị chưa có kết quả trả lời đang trong thời hạn giải quyết..

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh tiếp tục thực hiện tốt hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận giải quyết hồ sơ TTHC, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân đến Trung tâm đề nghị giải quyết TTHC. Trong 6 tháng đầu năm 2025, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận 372.452 hồ sơ; đã xử lý 352.607 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,58%.

- Kết quả triển khai Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia của tỉnh Thái Nguyên đến ngày 15/6/2025: Điểm số trực nội dung Công khai minh bạch đạt 14,4/18 điểm; điểm số trực nội dung Tiến độ giải quyết đạt 18,9/20 điểm; điểm số trực nội dung Dịch vụ công trực tuyến đạt 7/12 điểm; điểm số trực nội dung Thanh toán trực tuyến đạt 9,8/10 điểm; điểm số trực nội dung Mức độ hài lòng 17,9/18 điểm; điểm số trực nội dung Số hóa hồ sơ, kết quả TTHC đạt 19,9/22 điểm. Điểm tổng hợp đạt 87,8/100 điểm; xếp thứ 02/63 tỉnh, thành phố trên bảng xếp hạng. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành tập trung rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thường xuyên rà soát để kiến nghị với các bộ, ngành trung ương sửa đổi, tái cấu trúc quy trình TTHC để thực hiện Dịch vụ công trực tuyến.

3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

3.1. Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị

- Thực hiện Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 1668-KL/TU ngày 14/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về chủ trương đối với các Đề án thành lập, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của địa phương kịp thời từ tỉnh đến cơ sở.

- Ngày 19/02/2025, HĐND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐND thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, theo đó, thành lập, tổ chức lại 07 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên⁽⁴⁾. Đến nay, bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên đã tinh gọn theo hướng hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, liên thông trong quản lý nhà nước. Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập giảm được 6 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên sau khi thành lập, tổ chức lại gồm 13 cơ quan (tương ứng giảm 32%); giảm 41 đầu mối cấp phòng thuộc các sở, ngành (tương ứng giảm 17,6%); giảm 01/7 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (tương ứng giảm 14,3%); giảm 29 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (tương ứng giảm 25%), đồng thời, kịp thời ban hành các Quyết định tổ chức lại cơ cấu tổ chức và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Thái Nguyên.

- Hiện nay tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 766 đơn vị, bao gồm: 06 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; 102 đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành và 658 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện.

⁽¹⁾ (1) thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo trên cơ sở Ban Dân tộc tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo từ Sở Nội vụ; (2) thành lập Sở Tài chính tỉnh trên cơ sở hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh và Sở Tài chính; (3) thành lập Sở Xây dựng trên cơ sở hợp nhất Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng; (4) thành lập Sở Khoa học và Công nghệ trên cơ sở hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ; (5) thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường; (6) thành lập Sở Nội vụ trên cơ sở hợp nhất Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ; (7) sáp nhập Sở Ngoại vụ vào Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và nhập tỉnh năm 2025

- Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tạo chuyển biến về nhận thức, hành động, sự quyết tâm, thống nhất của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, đồng thời phối hợp với UBND tỉnh Bắc Kạn triển khai thực hiện; giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, Đề án sắp xếp, nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên. Tổ chức tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp, sáp nhập; đồng thời, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức bị tác động, ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính. Kết quả giảm từ 172 xã, phường, thị trấn còn 55 xã, phường, đạt tỷ lệ giảm 68,02%, số đơn vị hành chính giảm là 117 ĐVHC cấp xã. Thái Nguyên cũng là một trong những tỉnh đầu tiên trình Đề án sắp xếp, nhập tỉnh để Bộ Nội vụ thẩm định và đã được Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan xây dựng Đề án hợp nhất, sáp nhập các cơ quan chuyên môn, các sở ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn; Đề án thành lập các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp xã mới, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện khi kết thúc hoạt động UBND cấp huyện. Xây dựng phương án bố trí trụ sở làm việc, cơ sở vật chất, nhà ở công vụ và các điều kiện cần thiết khác phục vụ công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã.

3.3. Quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, tinh giản biên chế

Tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp năm 2025, đảm bảo đúng số lượng biên chế được Bộ Nội vụ giao. Cụ thể:

+ Giao biên chế công chức hành chính năm 2025 của tỉnh Thái Nguyên là: 1.845 biên chế;

+ Biên chế sự nghiệp của tỉnh Thái Nguyên năm 2025 là: 25.598 biên chế.

Trong đó:

- + Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 20.557 biên chế;
- + Sự nghiệp y tế: 3.263 biên chế;
- + Sự nghiệp văn hóa, thông tin - thể thao: 432 biên chế;
- + Sự nghiệp khác: 1.346 biên chế.
- Giao biên chế của các hội là: 73 biên chế.

3.4. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

- Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, rà soát tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các quy định, đẩy mạnh thực hiện phân cấp⁽⁵⁾. Do đó, các quy định phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đã được tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện tương đối thống nhất và có hiệu quả, phát huy tính năng động, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương, đáp ứng yêu cầu cải cách nền hành chính nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, việc phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương trên từng ngành, lĩnh vực được hoàn thiện một cách đồng bộ, bảo đảm hiệu lực quản lý thống nhất, xuyên suốt của Trung ương đối với địa phương và khuyến khích tính sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các địa phương.

- Để tổ chức triển khai thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền phân cấp kịp thời, nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện (Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 09/4/2025). Nhằm tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân quyền, phân cấp theo chỉ đạo của Trung ương về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đồng thời yêu cầu các đơn vị, địa phương nghiên cứu, tham mưu, đề xuất trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành văn bản

⁽⁵⁾ Công văn số 610/UBND-NC ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tham mưu thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Công văn số 512/SNVT CBC&TCPCP ngày 24/3/2022 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

quy phạm pháp luật để điều chỉnh kịp thời thẩm quyền theo yêu cầu đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, đồng bộ với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức

- Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện nghiêm theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan. Công chức, viên chức được tuyển dụng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm tuyển dụng. Việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức cơ bản phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường công tác.

- Việc tuyển dụng công chức, viên chức được UBND tỉnh phân cấp cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện và phân cấp cho các trường THPT thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các bệnh viện từ hạng II trở lên thuộc Sở Y tế. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động trong công tác tuyển dụng, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Kết quả, trong 6 tháng đầu năm, các đơn vị đã thực hiện tuyển dụng công chức đối với 03 trường hợp, viên chức 361 trường hợp.

4.2. Thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức

- Công tác nâng ngạch công chức được triển khai thực hiện thường xuyên, kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức, trong 6 tháng đầu năm, thực hiện xét nâng ngạch từ chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp đối với 01 công chức lãnh đạo cấp sở và tương đương; xét nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính đối với 7 công chức; xét nâng ngạch từ cán sự lên chuyên viên đối với 02 công chức; xét nâng ngạch từ nhân viên lên cán sự đối với 01 công chức có thành tích trong hoạt động công vụ.

- Triển khai thực hiện rà soát nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) bổ nhiệm và xếp lương CDNN hạng III đối với 210 viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN từ hạng IV lên hạng III chuyên ngành văn hoá, thông tin và truyền thông, công tác xã hội và quản lý học viên; bổ nhiệm và xếp lương CDNN lưu trữ viên chính đối với 03 viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN lưu trữ viên chính. Tổ chức xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông hạng III lên hạng II với trên 5.000 hồ sơ dự xét.

4.3. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 26/2/2025 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên năm 2025, trong đó chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ năm 2025 là 341 lớp cho 46.130 học viên. Nội dung các chương trình bồi dưỡng tập trung vào bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp; hình thức tổ chức bồi dưỡng do các sở, ban, ngành đề xuất các nội dung, chương trình bồi dưỡng, chủ trì phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng theo quy định.

- Các cơ quan, địa phương, đơn vị ban hành kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch của UBND tỉnh; rà soát nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đăng ký, chọn cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đến nay đã tổ chức 17 lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho gần 1.200 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

4.5. Thực hiện chế độ chính sách

Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế đối với 12 trường hợp; Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng đối với 11 trường hợp; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên đã tinh giản được 39 trường hợp.

Thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 178/2024/NĐ-CP về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Nghị định số 178/2024/NĐ-CP), trong đó ban hành chính sách, chế độ để tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi để hưởng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ đối với 190 trường hợp.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Ban hành các văn bản triển khai thực hiện

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 13/02/2025 về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025. Công tác quản lý tài chính - ngân sách được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản.

5.2. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

Công tác quản lý tài chính - ngân sách được thực hiện đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản: Thu ngân sách tỉnh Thái Nguyên 6 tháng đầu năm 2025 đạt 11.775 tỷ đồng bằng 137,2% so với cùng kỳ, bằng 53% so với dự toán Chính phủ giao; bằng 49,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao. Thực hiện chi ngân sách địa phương ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 9.820 tỷ đồng, bằng 155,2% so với cùng kỳ; bằng 46,9% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 55,3% dự toán Chính phủ giao. Chi ngân sách đáp ứng kịp thời kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Chi ngân sách đảm bảo theo dự toán được giao và tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các đơn vị.

5.3. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên chủ động hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các địa phương đẩy nhanh tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Tổng số kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao: 5.584.075 triệu đồng; số vốn kế hoạch do địa phương giao trên địa bàn toàn tỉnh: 7.968.950 triệu đồng. Thanh toán vốn kế hoạch năm 2025 là: 2.857.146/5.584.075 (đạt 51,17% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 39% kế hoạch vốn do địa phương giao).

5.4. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị SNCL:

- Thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP, Thông tư số: 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh giao Sở Tài chính thực hiện công tác xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định.

- Hiện nay tỉnh Thái Nguyên thực hiện giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập là 789 đơn vị, trong đó:

- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: 01 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: 52 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 147 đơn vị;
- + Số đơn vị NN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 589 đơn vị.

5.5. Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

- Triển khai chỉ đạo của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục triển khai thực hiện đúng các quy định đối với công tác quản lý tài sản công. Về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và xử lý các cơ sở nhà đất không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả hoặc không đúng mục đích theo quy định, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 23/4/2025 về việc rà soát, lập phương án xử lý và tổ chức xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên. UBND tỉnh giao Sở Tài chính tham mưu rà soát công trình, nhà, đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính đảm bảo sử dụng, khai thác có hiệu quả, tránh lãng phí: phối hợp với các đơn vị, địa phương đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất theo quy định.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát, báo cáo, đề xuất phương án sử dụng hiệu quả trụ sở sau sắp xếp. Sau sắp xếp, toàn tỉnh có 139 trụ sở dôi dư, các ĐVHC đi vào hoạt động, căn cứ số lượng biên chế hiện có và tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích trụ sở làm việc, sẽ tiếp tục rà soát từng trường hợp cụ thể. Đối với các trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư sau khi đã bố trí, sắp xếp theo các hình thức xử lý tài sản theo quy định, trong đó, ưu tiên chuyển đổi công năng để làm cơ sở y tế, giáo dục, sử dụng cho các mục đích công cộng khác của địa phương; thu hồi để giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương quản lý, khai thác (quản lý để phục vụ mục tiêu lâu dài của Nhà nước); giao tổ chức phát triển quỹ đất của địa phương quản lý, phát triển và khai thác không để xảy ra thất thoát, lãng phí, bảo đảm trong vòng 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực thi hành. Số cơ sở nhà, đất đã thực hiện sắp xếp lại, xử lý lũy kế đến thời điểm báo cáo là 1.421 cơ sở.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Về công tác triển khai xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số ở địa phương

Thực hiện Chính quyền điện tử, chính quyền số và tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-TU, ngày 31/12/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh, tiếp tục thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2024 - 2025, định hướng năm 2030; triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, UBND tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển dữ liệu, phát triển ứng dụng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến... phục vụ người dân, doanh nghiệp.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng, dữ liệu xây dựng chính quyền số

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Hoàn thành triển khai hạ tầng kết nối, giám sát mạng truyền số liệu chuyên dùng đối với 36 kênh cấp tỉnh, huyện và 172/172 kênh cấp xã.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua LGSP lũy kế đến nay đạt hơn 6,3 triệu giao dịch.

6.3. Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thái Nguyên vận hành ổn định phục vụ hoạt động điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành vận hành ổn định, trao đổi văn bản điện tử giữa 1.968 đơn vị.

- Chứng thư chữ ký số chuyên dùng Chính phủ: Đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã được Ban Cơ yếu Chính phủ cấp 12.621 Chữ ký số chuyên dùng công vụ (Trong đó: 1.042 chữ ký số cấp cho tổ chức, 11.579 chữ ký số cấp cho cá nhân).

6.4. Kết quả triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06 đảm bảo đúng quy định. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết TTHC các cấp phục vụ xác thực,

chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai cung cấp các dịch vụ công thiết yếu bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp giải pháp kết nối xác thực thông qua nền tảng định danh điện tử VNeID tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết TTHC. Thực hiện tích hợp 53 dịch vụ công thiết yếu (25 dịch vụ công theo Đề án 06 và 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối liên thông đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chia sẻ, khai thác dữ liệu, phục vụ công tác giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công của tỉnh.

- Tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành tích hợp giải pháp xác thực qua tài khoản VNeID trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay 100% người dân, doanh nghiệp đã được cấp định danh và xác thực điện tử đều có thể đăng nhập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh. Cấp tài khoản định danh điện tử: Đến nay đã thu nhận 883.200 tài khoản cá nhân, đã kích hoạt 842.882 tài khoản cá nhân, đạt tỷ lệ 95,44%; đã định danh được 2.200/9.459 tài khoản cho tổ chức, đạt tỉ lệ 23,26%, đứng thứ 15/63 tỉnh. Toàn tỉnh có 533.519 tài khoản giao dịch điện tử cá nhân được phê duyệt (tài khoản dùng trên ứng dụng VssID và cổng DVC BHXH Việt Nam). Đã xác thực được 1.273.748/1.278.189 thông tin nhân khẩu trong CSDL do BHXH tỉnh Thái Nguyên quản lý với CSDL quốc gia về dân cư (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội), đạt 99,65%. Triển khai tạo tài khoản an sinh chi trả chính sách xã hội: Tổng số đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã được tạo tài khoản là 78.174/81.183 đối tượng, đạt 96,29%⁽⁶⁾.

6.5. Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến

- Tỉnh Thái Nguyên đang cung cấp 911 dịch vụ công trực tuyến và được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (trong đó 200 dịch vụ công trực tuyến toàn trình,

⁽⁶⁾Trong đó: Số tài khoản đối tượng người có công là 17.454/18.929 đối tượng, đạt 92,21%; đối tượng Bảo trợ xã hội là 42.557/42.557 đối tượng, đạt 100%; đối tượng Hộ nghèo, hộ cận nghèo là 8.163/19.697 đối tượng, đạt 92,22%.

đạt 11,1%; 1.348 dịch vụ công trực tuyến một phần, đạt 74,81%). Hiện nay 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đã được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh. Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên cổng dịch vụ công Quốc gia là 339 DVC (đạt 100%); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 53,14%); tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 70,37% (171 TTHC). Số hóa hồ sơ: Tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 87,8%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 87,8%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 93,47%.

6.6. Triển khai ứng dụng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện các ứng dụng số phục vụ các nhu cầu của người dân hiệu quả như: Sàn giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên, sổ sức khỏe điện tử, sổ bảo hiểm xã hội điện tử... 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng CCCD gắn chip điện tử. Triển khai nhân rộng mô hình chợ 4.0; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, giải quyết TTHC; thiết lập thêm nhiều kênh cung cấp thông tin về giải quyết TTHC như cung cấp khả năng liên kết truy cập thông tin về TTHC, truy cập đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên và Cổng dịch vụ công quốc gia qua các ứng dụng mạng xã hội, ứng dụng số của tỉnh như: Ứng dụng công dân số C-Thainguyen, xã hội số Thainguyen-ID...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác CCHC của tỉnh luôn nhận được quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; các đơn vị, địa phương quyết liệt triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ Chương trình CCHC Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện. Từ đầu năm đến nay, qua công tác kiểm tra công vụ, CCHC, việc thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo quy định; đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, giờ làm việc theo quy định để kịp thời giải quyết các TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Việc đánh giá kết quả CCHC đối với các sở, ngành, UBND huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn thông qua Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đã phát huy được vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và từng cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông cơ bản đáp ứng yêu cầu, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn cao, có nhiều đơn vị không có hồ sơ quá hạn (Các sở: Công Thương, Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ,...); công tác rà soát, kiểm soát TTHC được thực hiện thường xuyên, việc tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các giao dịch, giảm thời gian, chi phí giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp...

- Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính được sắp xếp đúng quy định và phù hợp về chức năng, nhiệm vụ; thực hiện chính sách tinh giản biên chế đảm bảo tỷ lệ theo kế hoạch giao. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị và triển khai xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp được triển khai thực hiện kịp thời, đảm bảo tinh, gọn theo hướng hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tạo không gian phát triển mới, xây dựng chính quyền gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

- Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số đạt được nhiều thành tựu quan trọng đã góp phần hiện đại hoá và thay đổi phương thức, tác phong làm việc, thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, tăng cường kiểm tra, giám sát trên môi trường số.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai thực hiện một số chỉ tiêu Chương trình tổng thể Cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 đến nay còn gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định như (4 chỉ tiêu chưa đạt: Giảm tối thiểu bình quân cả tỉnh 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021; đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 50% cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thực hiện thông qua môi trường số).

- Một số lĩnh vực TTHC có yêu cầu giao dịch rất lớn, hồ sơ quá tải, do đó, người dân, tổ chức phải chờ đợi lâu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận một cửa (cấp đổi Giấy phép lái xe; cấp Phiếu lý lịch tư pháp; đất đai...). Lĩnh vực cấp đổi Giấy phép lái xe hiện nay nhiều người dân chưa được trả kết quả (Bằng lái xe), do Bộ Công an chưa cung cấp phôi bằng.

- Việc thực hiện các TTHC liên thông còn hạn chế; việc giải quyết TTHC vẫn còn tình trạng hồ sơ quá hạn, tập trung vào lĩnh vực đất đai, tư pháp, xây dựng...;

tinh thần, trách nhiệm, thái độ phục vụ tổ chức, cá nhân của một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức, viên chức chưa cao.

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến phát sinh chưa cao; hạ tầng truyền dẫn tại địa bàn vùng sâu, vùng xa chưa đồng bộ, việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân còn gặp nhiều khó khăn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

- Xây dựng Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện CCHC giai đoạn 2021-2025 của tỉnh và bám sát chỉ đạo của Chính phủ về Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 theo định hướng của Trung ương.

- Tiếp tục thực hiện Kết luận số 128-KL/TW ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương công tác cán bộ, kịp thời các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng, đảm bảo tiến độ sắp xếp đơn vị hành chính các cấp theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- Quyết liệt triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện kết quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp đồng bộ với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để thi hành các văn bản pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi), Luật Đất đai, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật... phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Đổi mới phương pháp, cách thức và tăng cường công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính; chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện quyết liệt cải tiến lề lối làm việc, thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng thực thi công vụ, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước sau khi triển khai thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sáp nhập 02 tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục triển khai mô hình Nhân dân phát huy quyền làm chủ tại các đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp, nhập 02 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch và tổ chức triển khai tập huấn CCHC, chính quyền thân thiện, đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công; nâng cao mức độ hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước sau khi triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sáp nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

V. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Văn phòng Chính phủ hướng dẫn cụ thể trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền (thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật) đảm bảo thống nhất tổ chức thực hiện tại các địa phương, cụ thể:

- Tại Điểm a, Khoản 3, Điều 7, Chương II của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 nêu nhiệm vụ của UBND cấp xã trong Tổ chức bộ phận một cửa: “Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, có con dấu và tài khoản riêng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao”.

- Tại Điểm a, Khoản 2, Mục 3 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/06/2025 nêu nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền: “Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật”.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

Trên đây là báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên
06 tháng đầu năm 2025, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định./ *Lo*

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố;
 - Văn phòng Tỉnh ủy;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, TTPVHCC
- Chintk.6/2025. *Lo*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 141 /BC-UBND ngày 19 /6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	23	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	53,3	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16	
3	Kiểm tra CCHC		0	
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	6	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	6	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	4	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	14	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	14	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	

5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	Đối thoại thanh niên

II. Cải cách thể chế

1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	34	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	662	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	307	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

III. Cải cách thủ tục hành chính

1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số danh mục TTHC công bố mới	Thủ tục	1.177	
1.3.	Số danh mục TTHC bãi bỏ	Thủ tục	1.151	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.935	

1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	1.486	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục	323	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	126	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	73	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	59	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	3	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,75	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	68.974	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	68.831	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,44	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	34.155	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	33.965	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,79	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	249.478	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	248.985	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	91,3	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	69	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	63	
IV. Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	13 sở, ngành

1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	9 đơn vị cấp huyện
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	92	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	766	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	6	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	102	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	658	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	15,08	766/902 giảm 135 đơn vị
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.845	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.761	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	1.461	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	65	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	16	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25.598	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23.031	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	42	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	18	
V. Cải cách chế độ công vụ				
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	24	

1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	714	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	1	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	2	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	360	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	1	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
VI. Cải cách tài chính công				
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	51,17	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	5.584.075	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.857.146	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	789	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	52	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	147	

2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	589	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Chưa có = 0; 2 cấp = 1; 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0; Đang làm = 1; Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			

5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	932	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	932	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	98.8	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	339	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	335	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	94.7	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	67.112	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	63.543	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	96.8	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	196.252	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	190.115	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	339	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	339	